

Số: 465 /CV-BVTT

Ninh Bình, ngày 09 tháng 07 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Tâm thần tỉnh Ninh Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Mua hóa chất xét nghiệm sử dụng tại Bệnh viện Tâm Thần năm 2024-2025” với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Tâm thần tỉnh Ninh bình; địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Phúc Thành, thành Phố Ninh bình, tỉnh Ninh bình; điện thoại: 0229.3872.374.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: DS Nguyễn Hùng Mạnh, Khoa Dược – TTB Bệnh viện Tâm thần tỉnh Ninh Bình

Số điện thoại: 0912.610.211; Email: Hungmanh219@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: DS Nguyễn Hùng Mạnh, Khoa Dược – TTB Bệnh viện Tâm thần tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phúc Thành, Thành Phố Ninh bình, tỉnh Ninh bình.

- Nhận qua email: Hungmanh219@gmail.com (nhận bản PDF)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 09 tháng 07 năm 2024 đến trước 16h00 ngày 19 tháng 07 năm 2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 19 tháng 07 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa là Hóa chất xét nghiệm (Có phụ lục danh mục hàng hóa đính kèm)

2. Địa điểm giao hàng: Bệnh viện Tâm thần tỉnh Ninh bình; địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Phúc Thành, thành Phố Ninh bình, tỉnh Ninh bình.

- Mô tả hàng hóa cụ thể tại mục Thông số kỹ thuật của hàng hóa tại phụ lục đính kèm công văn này.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: tháng 9/2024, giao hàng theo từng đợt

căn cứ dự trù của đơn vị, tối thiểu trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được dự trù của đơn vị.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán thành nhiều đợt, trong vòng 90 ngày kể từ ngày hoàn thiện hồ sơ thanh toán.

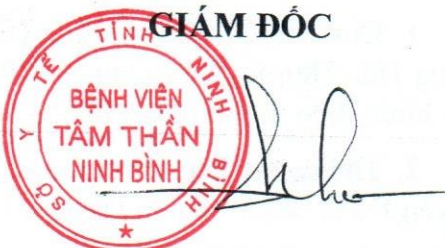
5. Các thông tin khác

- Các đơn vị báo giá theo mẫu tại phụ lục 01 đính kèm yêu cầu báo giá này.

Chi tiết các yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật; địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế,

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Đặng Hữu Lục

Phụ lục 01
BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hóa chất xét nghiệm như sau:

1. Báo giá cho các loại hóa chất xét nghiệm và dịch vụ liên quan

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Chất bôi trơn (gói 5g)					5.385.840				
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....
**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp⁽¹²⁾**
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá. Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá. Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Mẫu báo giá
Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế
BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá/

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày... tháng...năm...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

SỞ Y TẾ TỈNH NINH BÌNH
BỆNH VIỆN TÂM THẦN

DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN NĂM 2024-2025

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương/Quy cách đóng gói tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I. HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC ABX Minicros ES 60					
1	ABX Miniclean(Hoặc tương đương)	Được sản xuất theo tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 13485 - Chất lỏng trong suốt không màu. - Nhiệt độ bảo quản: 18-25°C - pH: 9,6 +/- 0,4 (T = 20°C) - Resistivity: 72 +/- 2 Ω (T = 20°C) - Organic Buffer..... < 20% - Proteolytic enzyme.< 1% -Quy cách đóng gói: 01 lit/chai	Chai	7	
2	ABX Cleaner(Hoặc tương đương)	Thành phần: Organic buffer < 5% ; Proteolytic enzyme < 1% ; Preservative < 1% Quy cách đóng gói: 01 lit/chai	Chai	2	
3	ABX Minidil LMG(Hoặc tương đương)	-TCCL: ISO 9001, ISO 13485 - Chất lỏng trong suốt không màu. - Nhiệt độ bảo quản: 18-25°C - Organic Buffer..... < 5% - Preservative..... < 1% - Sodium azide..... < 1% - Quy cách đóng gói: 10 lit/can	Can	14	
4	ABX Minocclair(Hoặc tương đương)	- Chemical cleaning agent: < 5% - Stabilizer: < 1% -TCCL: ISO 9001, ISO 13485 -Quy cách đóng gói: 0,5 lit/chai	Chai	2	
5	ABX Minilyse LMG(Hoặc tương đương)	TCCL: ISO 9001, ISO 13485 - Lysing agent: < 0.1% - Detergent : < 5% - Potassium Cyanide..... < 0.1% - Sodium Azide..... < 0.1% - EDTA..... < 25% - Potassium chloride.... < 20% - Propanol-2..... < 20% - Quaternary ammonium salt < 20%. -Quy cách đóng gói: 1lit/chai	Chai	6	
II. HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA GLOBAL 240					
6	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm sinh hóa mức N (mức bình thường)	- Được sử dụng để kiểm soát độ chính xác và độ lặp lại cho các xét nghiệm sinh hóa. - Thành phần: Dạng đông khô, có nguồn gốc từ huyết thanh bò. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Lọ ≥ 5ml	Lọ	2	



SIT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương/Quy cách đóng gói tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cholesterol	- Dùng để định lượng Cholesterol trong huyết thanh người và huyết tương người * Khoảng tuyến tính: ≥ 750 mg/dl - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): ≤ 0.9 - Đạt TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 400 ml	Hộp	2	
8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglyceride	- Dùng để định lượng triglyceride trên huyết thanh người và huyết tương chống đông bằng EDTA, Heparin. - Khoảng tuyến tính: ≥ 1000 mg/dl - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): ≤ 2.7 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 400 ml	Hộp	2	
9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GPT (ALAT)	- Dùng để định lượng GPT (alanine aminotransferase) trong huyết thanh và huyết tương người. - Khoảng tuyến tính: ≥ 500 U/l - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): ≤ 4.5 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 400 ml	Hộp	3	
10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GOT (ASAT)	- Dùng để định lượng GOT (aspartate aminotransferase) trong huyết thanh và huyết tương người. - Khoảng tuyến tính: ≥ 600 U/l - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): ≤ 3.9 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 400 ml	Hộp	3	
11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Urea	- Dùng để định lượng Urea trong huyết thanh, nước tiểu và huyết tương người. - Khoảng tuyến tính: ≥ 300 mg/dl - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): ≤ 4.1 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 400 ml	Hộp	3	
12	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine	- Dùng để định lượng Creatinine trong huyết thanh, huyết tương người và nước tiểu. - Khoảng tuyến tính: + Trong huyết thanh: lên đến 13 mg/dl (1.150 μ mol/l). + Trong nước tiểu: lên đến 500mg/dl (44.200 μ mol/l) - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): ≤ 6.45 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương. - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 200 ml	Hộp	6	
13	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GLUCOSE	- Dùng để định lượng Glucose trong máu toàn phần, huyết thanh người, huyết tương người. - Khoảng tuyến tính: ≥ 400 mg/dl (22.2 mmol/l) - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): ≤ 3.9 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 400 ml	Hộp	3	

	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương/Quy cách đóng gói tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
14	Thuốc thử xét nghiệm định lượng gamma-GT	- Dùng để định lượng gamma-GT (L-gamma-glutamyl transferase) trong huyết thanh, huyết tương. - Khoảng tuyến tính: lên đến 250U/l - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): ≤ 3.09 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE. - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 100 ml	Hộp	4	
15	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Calcium	- Dùng để định lượng Ion Calcium trong huyết thanh người, huyết tương người. * Khoảng tuyến tính: lên đến 15 mg/dl (3.75mmol/l). - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): ≤ 3.21 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE. - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 200 ml	Hộp	1	
16	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Total Protein	- Được dùng để định lượng Protein toàn phần ngoại sinh trong huyết thanh người. - Khoảng tuyến tính: ≥ 12 g/dl (120 g/l) - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): ≤ 2.7 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 400 ml	Hộp	1	
17	Thuốc thử xét nghiệm định lượng URIC ACID	- Được dùng để định lượng Uric Acid trong huyết thanh người, huyết tương được chống đông bằng Heparin hoặc EDTA và nước tiểu. - Khoảng tuyến tính: Lên đến 20 mg/dl (1190 µmol/l) - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): ≤ 4.69 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE. - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 400 ml	Hộp	2	
18	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần	- Dùng để định lượng Bilirubin toàn phần trong huyết thanh người và huyết tương người. - Khoảng tuyến tính: lên đến 30 mg/dl - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): ≤ 2.62 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE. - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 375 ml	Hộp	2	
19	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp	- Dùng để định lượng Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh và huyết tương người. - Khoảng tuyến tính: lên đến 9 mg/dl - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập): ≤ 6.15 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE. - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 375 ml	Hộp	2	
III. VTYT XÉT NGHIỆM					
20	Test nhanh định tính kháng nguyên Viêm gan B	Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người. Độ nhạy ≥ 99,8%; Độ đặc hiệu ≥ 99,85%. - Đạt TCCL : ISO 13485 hoặc tương đương. - Quy cách đóng gói : ≥ 100 test/hộp	Test	1700	
IV. TEST XÉT NGHIỆM PHÙ HỢP VỚI MÁY THỬ NƯỚC TIỂU CLINITEX STATUS +					

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương/Quy cách đóng gói tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
21	Test thử nước tiểu Multistix (Hoặc tương đương)	<p>Que thử nước tiểu 10 thông số: Protein, Blood, Leukocytes, Nitrite, Glucose, Ketones, pH, Specific Gravity, Bilirubin, Urobilinogen.</p> <p>- Dải đo của các chỉ số:</p> <p>Protein: 15-30mg/dL albumin Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin; Leukocyte: 5-15 Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion; Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid; pH: 4.6- 8.0; SG: 1.001-1.035 Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL. Urobilinogen: 0.2EU/dL</p> <p>- Trên thanh thử có miếng dán (ID band) - Đạt TCCL : ISO 13485 hoặc tương đương. - Quy cách đóng gói: ≥ 100 test / hộp</p>	Test	2200	
Cộng tổng: 21 mặt hàng					